TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 1 – KH	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2026/HS-ST

Ngày 05-3-2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - KH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Dương Thị Phương Dung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đặng Trần Khoa**

Bà **Võ Thị Bời**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Trương Tấn Lộc** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - KH.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – KH tham gia phiên tòa:* Ông **Huỳnh Tấn Hưng** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – KH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2026/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2026/QĐXXST-HS ngày 05/02/2026 đối với bị cáo:

A V – Sinh năm: 1999

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn H, xã K, tỉnh N; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Xơ Đăng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Họ tên cha: A P – sinh năm 1977; Họ tên mẹ: Y H – sinh năm 1977; họ tên vợ: Y X – sinh năm 2002; Có 01 con sinh năm 2024.

Tiền án: không

Tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 12 ngày 22/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện R, tỉnh T về hành vi "Vi phạm các quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 205 ngày 12/12/2025 của Công an tỉnh KH về hành vi "Trộm cắp tài sản"

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/9/2025. Hiện đang tạm giam tại Phân Trại tạm giam T, Trại tạm Giam số 1, Công an tỉnh H.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1/ Bà Hoàng Thị Y – sinh năm 1989

Địa chỉ: Lô BT 02-08 đường G, phường T, tỉnh H

Vắng mặt
2/ Bà Vũ Thị Phương T – sinh năm 1982
Địa chỉ: 29 đường Q, xã K, tỉnh H
Vắng mặt
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1/ Bà Lưu Thị Thúy V – sinh năm 1964
Địa chỉ: Thôn B2, xã T, tỉnh N
Vắng mặt
2/ Bà A L – sinh năm 2002
Địa chỉ: Thôn H3, xã K, tỉnh N
Có mặt
4/ Bà Phạm Thị Xuân M – sinh năm 1978
Địa chỉ: 160/5 đường N, phường T, tỉnh H
Vắng mặt
5/ Bà Y X – sinh năm 2002
Địa chỉ: Thôn H, xã K, tỉnh N
Có mặt
- *Người làm chứng:*
1/ Ông Nguyễn Tấn N – sinh năm 1978
Địa chỉ: 25 đường Đ, phường T, tỉnh H
Vắng mặt
2/ Ông Nguyễn Đoàn Quốc V – sinh năm 1988
Địa chỉ: Căn hộ A1.3, Chung cư P1, phường T, tỉnh H
Vắng mặt
3/ Ông Nguyễn Thái D – sinh năm 1979
Địa chỉ: Số 08 đường T, phường T, tỉnh H
Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 12/12/2024, A V mang theo 01 cây xà beng bằng sắt màu đen dài 38 cm giấu trong ba lô màu đen rồi điều khiển xe máy nhãn hiệu Jupiter màu đen biển số 82T1-2871 đi tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi đến khu đô thị T, phường T, tỉnh H. A Vi nảy sinh ý định đột nhập vào Cục Thuế tỉnh H tại số 17 đường 19/5, khu đô thị T để trộm tài sản. A V để xe máy dưới chân cầu vượt vòng xoay nút giao thông H, đường 23/10 rồi đi bộ đến Cục thuế. Khi đến nơi, A V trèo qua hàng rào vào bên trong khuôn viên, chui qua cửa thông gió vào bên trong tòa nhà. Sau đó A V đi thang bộ lên tầng 6, khi đi đến phòng làm việc

của Ban Thanh tra, A V dùng xà beng phá được ổ khóa, vào bên trong lục các bàn làm việc thì thấy hộc bàn làm việc của chị Hoàng Thị Y có gắn chìa khóa nên A V mở ra lấy trộm được số tiền 16.000.000 đồng để bên trong hộc bàn. A V tiếp tục qua bàn làm việc của chị Vũ Thị Phương T dùng xà beng cạy phá được ổ khóa hộc bàn, lấy trộm được số tiền 60.000.000 đồng. Sau khi lấy trộm được tài sản trên A V trèo ra hàng rào đi bộ đến chỗ để xe máy lấy xe đi về. Số tiền trộm cắp được A V tiêu xài hết.

Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, chị Hoàng Thị Y và Vũ Thị Phương T đến trình báo Cơ quan Công an.

Ngày 11/9/2025, A V tiếp tục đột nhập vào cục thuế tỉnh H trộm cắp só tiền 149.000 đồng thì bị lực lượng bảo vệ phát hiện, giữ lại và trình báo Cơ quan Công an.

Tại bản cáo trạng số 116/CT-VKSKV1 ngày 21/01/2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – KH đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân Khu vực 1 – KH để xét xử đối với bị cáo A V về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – KH giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo A V từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng vắng mặt nhưng bị hại đã có đơn xin vắng mặt. Xét thấy tất cả đã có lời khai, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ Luật tố tụng Hình sự.

[2]. Về tội danh:

Tại phiên toà, bị cáo A V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có

trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Bị cáo A V đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của bà Hoàng Thị Y và bà Vũ Thị Phương T; lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định bị cáo A V có hành vi trộm cắp tài sản đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Cáo trạng số 116/CT-VKSKV1 ngày 21/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 –KH truy tố bị cáo A V về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi: Hành vi của bị cáo A V là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác, thể hiện sự coi thường pháp luật. Chính vì vậy mà hành vi phạm tội của bị cáo A V cần được xử lý nghiêm khắc, cách ly ngoài xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội; góp phần vào công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, an tâm cải tạo, tu dưỡng trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, bị hại vắng mặt nhưng đã nhận lại số tiền bị trộm và đã có lời khai không yêu cầu bị cáo bồi thường.

[6]. Về xử lý vật chứng:

- 01 xe máy nhãn hiệu Jupiter màu đen biển số 82T1-2871, 149.000 đồng đã trả cho chủ sở hữu đã trả cho chủ sở hữu nên không xét.

- 01 xà beng bằng sắt dài 37cm màu đen, đây là công cụ bị cáo dùng để phạm tội nên tịch thu tiêu huỷ theo điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Vật chứng trên được giao nhận theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/02/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh KH và Thi hành án dân sự tỉnh KH

[7]. Về án phí: Bị cáo A V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Điều 136, Điều 292, Điều 293, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

- Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt bị cáo A V ***02 năm tù*** về tội "Trộm cắp tài sản"; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 12/9/2025.

2. Về án phí: Bị cáo A V phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm

3. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, bị hại vắng mặt nhưng đã nhận lại số tiền bị trộm và đã có lời khai không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xét.

4. Về xử lý vật chứng:

- 01 xe máy nhãn hiệu Jupiter màu đen biển số 82T1-2871, 149.000 đồng đã trả cho chủ sở hữu đã trả cho chủ sở hữu nên không xét.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 xà beng bằng sắt dài 37cm màu đen. Vật chứng trên được giao nhận theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/02/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh KH và Thi hành án dân sự tỉnh KH.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND Khu vực 1 – KH;*
- *VKSND tỉnh KH;*
- *Bị cáo;*
- *Các đương sự;*
- *Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh KH;*
- *TAND tỉnh KH;*
- *Thi hành án Dân sự tỉnh KH;*
- *Lưu án văn, hồ sơ;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đào Dương Thị Phương Dung